TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 30-5-2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Vinh

2. Ông Phạm Ngọc Thiệp

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng- Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2025/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lường Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị Đ và anh Lường Văn T kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 04/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Bon Phặng, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2018 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Lò Thị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Đoàn đề nghị ly hôn với anh Lường Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị Đ và anh Lường Văn T có 01 (một) con chung là cháu Lường Tiến Đ, sinh ngày 09/4/2010. Từ năm 2018 cho đến nay, cháu Lường Tiến Đ ở với anh Lường Văn T.

Chị Lò Thị Đ đề nghị giao cháu Lường Tiến Đ cho anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị Đ cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 19/3/2025, ngoài những tài liệu, chứng cứ do chị Đoàn đã giao nộp, chị Đoàn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 12/3/2025 tại Bản T, xã B, huyện TC, tỉnh Sơn La, chị Lò Thị Đ và anh Lường Văn T có hộ khẩu thường trú tại Bản T, xã B, huyện TC; có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Bon Phặng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ. Hiện nay chị Đoàn và anh Tuấn đã sống ly thân. Chị Lò Thị Đ và anh Lường Văn T có 01 (một) con chung là cháu Lường Tiến Đ, sinh ngày 09/4/2010. Hiện tại, cháu Lường Tiến Đ ở với anh Lường Văn T. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Lường Tiến Đ có nguyện vọng là ở với bố.

Chị Lò Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Đoàn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Bị đơn anh Lường Văn T đã được triệu tập hợp lệ, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện TC. Anh Lường Văn T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không viết bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện không đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị Đ được ly hôn anh Lường Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lường Tiến Đ, sinh ngày 09/4/2010 cho anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị Đ, anh Lường Văn T không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lường Văn T có địa chỉ tại Bản T, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị Đ, bị đơn anh Lường Văn T: Nguyên đơn chị Lò Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Lường Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Đ và anh Lường Văn T kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 04/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Bon Phặng, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn đến năm 2018 có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lò Thị Đ và anh Lường Văn T đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Đoàn cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lường Văn T.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đoàn và anh Tuấn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lò Thị Đ được ly hôn anh Lường Văn T. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị Đ và anh Lường Văn T có có 01 (một) con chung là cháu Lường Tiến Đ, sinh ngày 09/4/2010. Từ năm 2018 cho đến nay, cháu Lường Tiến Đ ở với anh Lường Văn T và anh Tuấn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Lò Thị Đ đề nghị giao cháu Lường Tiến Đ cho anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị Đoàn không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đoàn, anh Tuấn đều có nơi cư trú ổn định, trồng trọt, chăn nuôi, có thu nhập. Chị Đoàn, anh Tuấn có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến cháu Lường Tiến Đ có nguyện vọng là ở với bố.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý, cần giao cháu Lường Tiến Đ, sinh ngày 09/4/2010 cho anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lò Thị Đ, anh Lường Văn T không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị Đ có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Lò Thị Đ là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị Đ được ly hôn anh Lường Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Tiến Đ, sinh ngày 09/4/2010 cho anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3**.** Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Lò Thị Đ và anh Lường Văn T không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị Đ.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị Đ, anh Lường Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã Bon Phặng, huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng